

Bài 7

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG SO SÁNH



Vũ Thành Tự Anh

Trưởng Chính sách công và Quản lý Fulbright

Nội dung trình bày



- ❧ Khái niệm phương pháp nghiên cứu tình huống so sánh
- ❧ Ưu, nhược điểm của nghiên cứu tình huống so sánh
- ❧ Các bước nghiên cứu tình huống so sánh:
 - ❧ Mục tiêu, thiết kế và cấu trúc
 - ❧ Triển khai thiết kế nghiên cứu cho từng tình huống
 - ❧ Đánh giá đóng góp của các tình huống nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tình huống



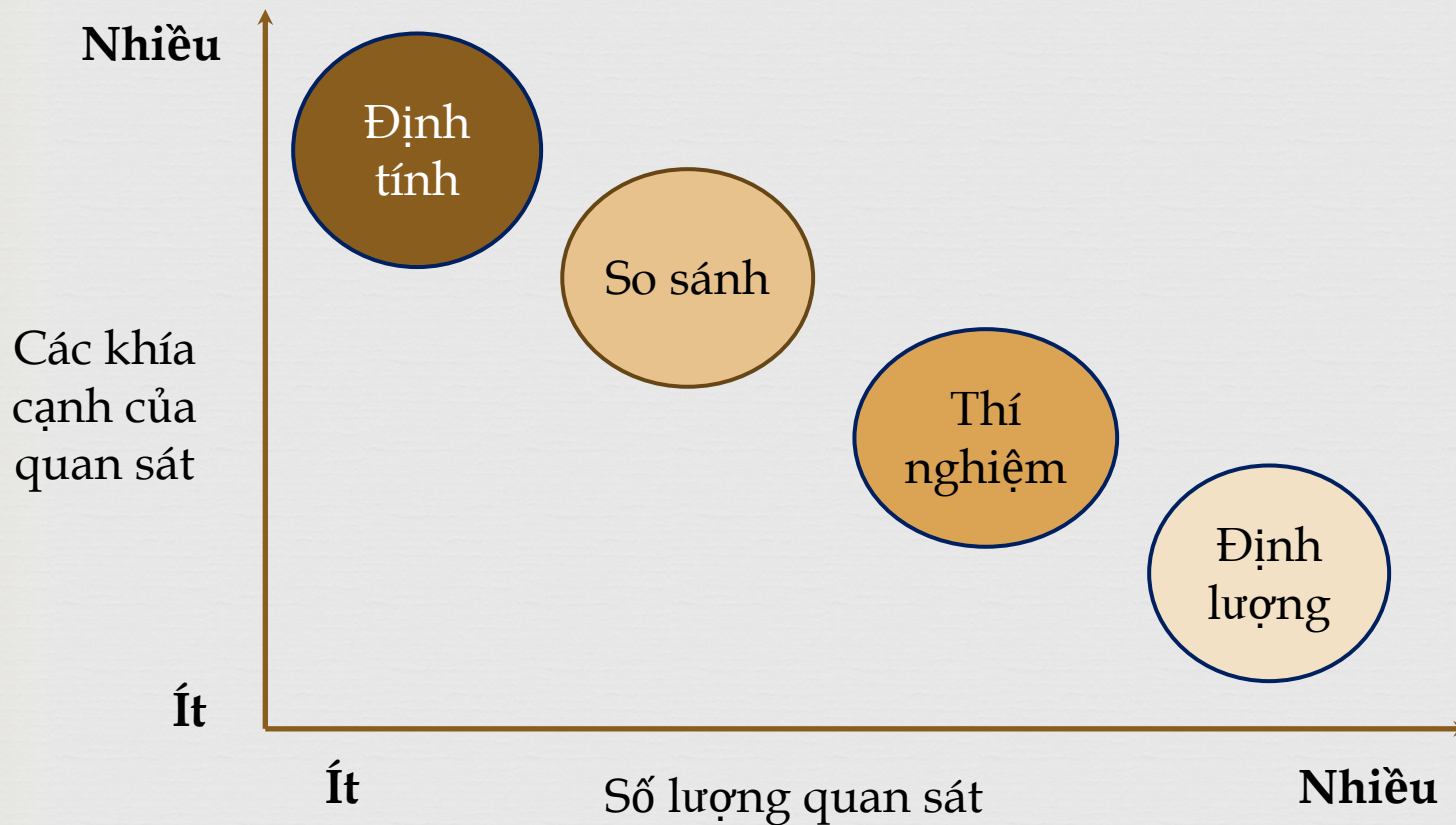
- ❧ Một tình huống là một trường hợp (instance) của một lớp các sự kiện (class of event)
 - ❧ Một tình huống có thể bao gồm *nhiều* quan sát, tùy thuộc vào *thiết kế* nghiên cứu
- ❧ Cách tiếp cận nghiên cứu tình huống: Là sự *soi xét chi tiết* về một tình huống để *phát triển* lý thuyết, *kiểm định* lý thuyết, hay *giải thích* sự kiện lịch sử và *có thể khái quát hóa* cho các trường hợp khác.
- ❧ Phương pháp nghiên cứu tình huống bao gồm cả phân tích *từng trường hợp đơn lẻ* và *so sánh giữa một số ít tình huống*.

Nghiên cứu tình huống so sánh



- ❧ Nghiên cứu tình huống so sánh [trong chính sách công] là việc *phân tích* và *tổng hợp* các điểm *tương đồng*, *khác biệt* và *mô thức* qua hai hoặc một số tình huống [chính sách] có chung trọng tâm hoặc mục tiêu, từ đó *phát triển* lý thuyết, *kiểm định* lý thuyết, hay *giải thích* sự kiện và có thể *khái quát hóa* cho các tình huống khác.
- ❧ Ưu điểm của nghiên cứu tình huống so sánh sv.
nghiên cứu một tình huống duy nhất
 - ❧ So sánh tương đồng, khác biệt, mô thức v.v.
 - ❧ Giá trị và hiệu lực *khái quát hóa* cao hơn

Phương pháp so sánh sv. Một số phương pháp phổ biến khác



Nghiên cứu tình huống tương tự

Cùng biến kiểm soát, khác biến phụ thuộc và giải thích chính



	Tương tự		
	I	II	III
<i>Các biến kiểm soát</i>	  	  	  
<i>Biến giải thích chính</i>			α
<i>Biến phụ thuộc</i>	y	y	\$

Thiết kế nghiên cứu so sánh

Thiết kế tình huống tương tự

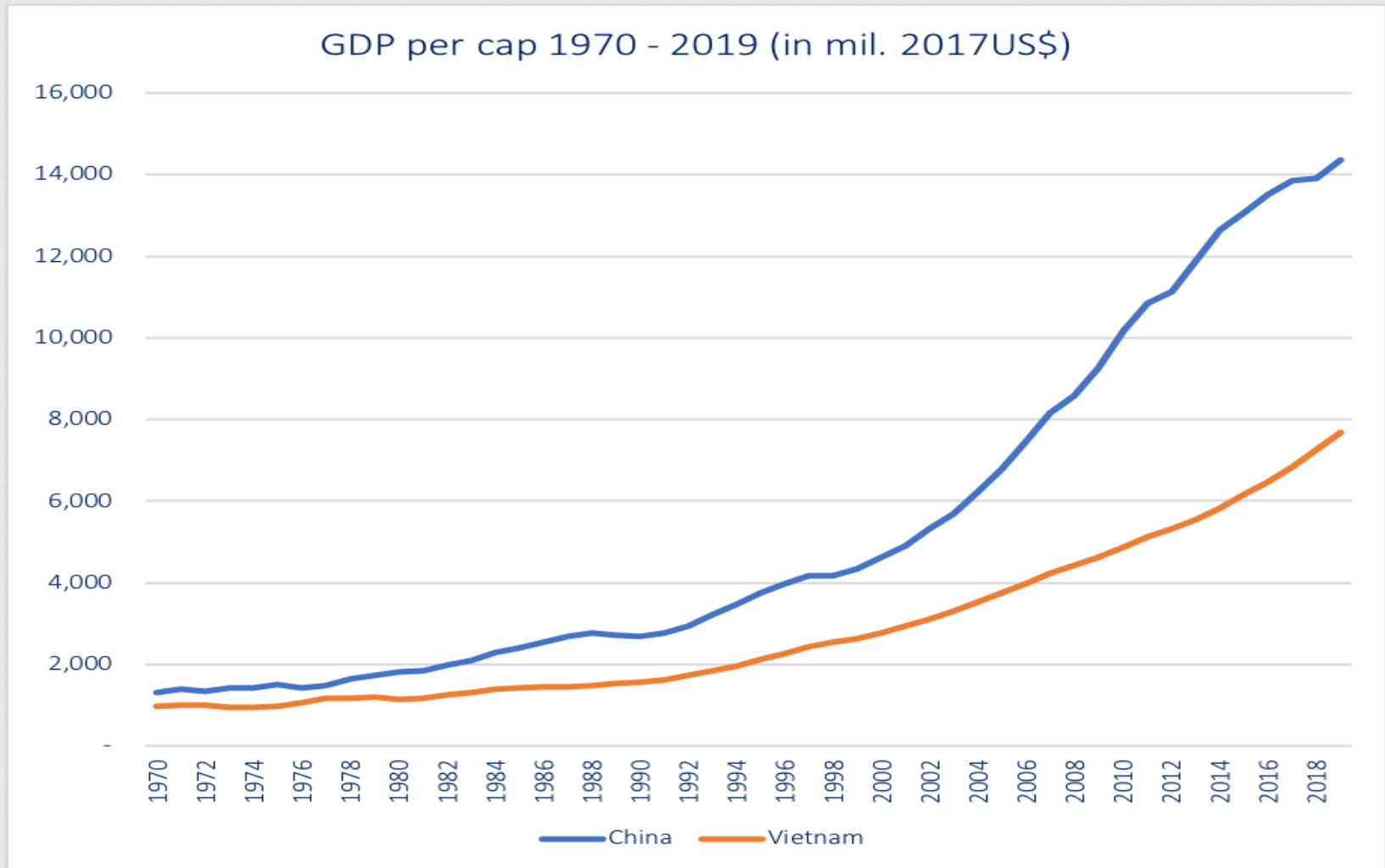
- ❧ Thiết kế tình huống tương tự (most similar cases design): So sánh các tình huống *tương tự, chỉ khác nhau ở biến phụ thuộc*, với kỳ vọng rằng điều này sẽ giúp dễ dàng *tìm thấy các biến độc lập* giải thích sự khác biệt của biến phụ thuộc.
- ❧ Lý tưởng là các biến độc lập của các tình huống không có gì khác nhau *ngoại trừ* biến giải thích (nguyên nhân) mà chúng ta quan tâm.
- ❧ *Ví dụ*: Kinh tế chính trị học của tăng trưởng kinh tế: Việt Nam vs. Trung Quốc

Nghiên cứu tình huống tương phản

Cùng biến phụ thuộc và giải thích chính, khác biến kiểm soát

	Tương phản		
	I	II	III
Các biến kiểm soát			
Biến giải thích chính			
Biến phụ thuộc	y	y	y

Tại sao tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam và Trung Quốc lại cách biệt xa đến thế?



Nguồn: Penn World Tables 10.0

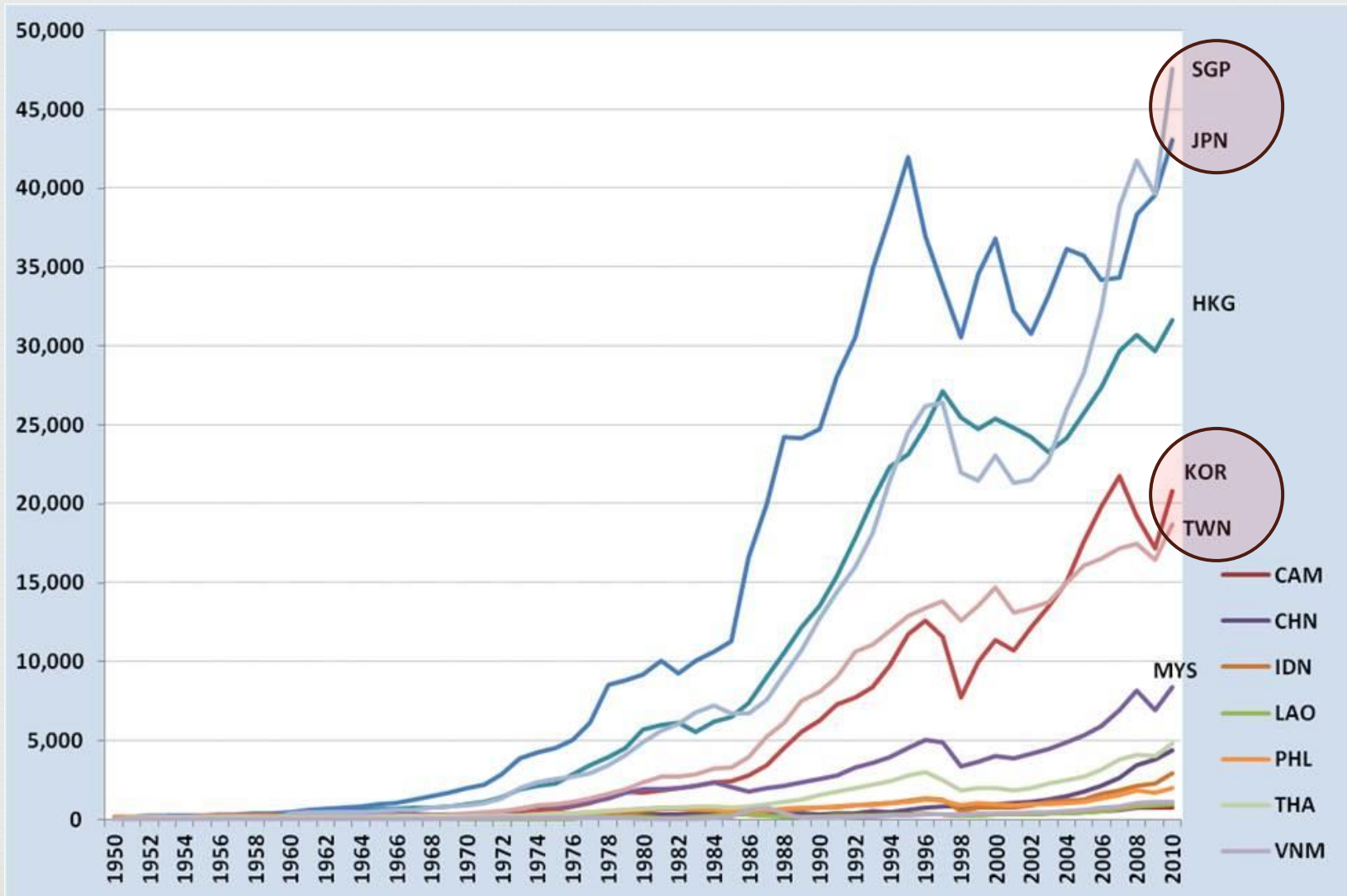
Thiết kế nghiên cứu so sánh

Thiết kế tình huống tương phản

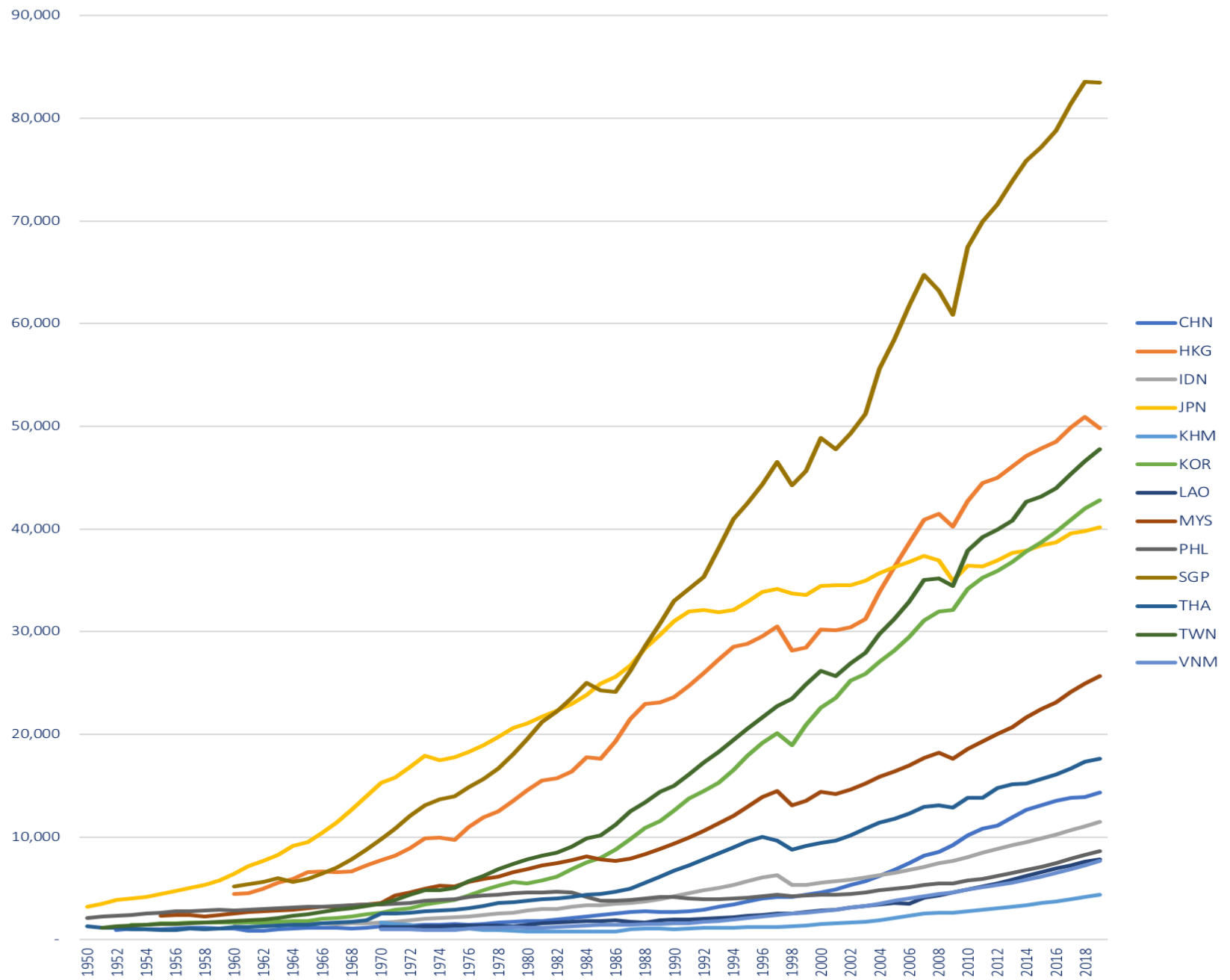
- ❧ Thiết kế tình huống tương phản (most different cases design): So sánh các tình huống *tương phản, nhưng biến phụ thuộc lại giống nhau*, với kỳ vọng rằng điều này sẽ giúp dễ dàng *tìm thấy các biến độc lập* giải thích sự giống nhau của biến phụ thuộc.
- ❧ Ví dụ: “The tyranny of numbers”

Lựa chọn thành công:

Tại sao họ giàu còn chúng ta lại nghèo?



GDP per cap 1950 - 2019 (in mil. 2017US\$)



Ba giai đoạn của nghiên cứu tình huống so sánh

1. Xây dựng *mục tiêu, thiết kế và cấu trúc* của nghiên cứu tình huống
2. *Triển khai* thiết kế nghiên cứu cho từng tình huống một cách phù hợp
3. Dựa trên kết quả của các nghiên cứu tình huống để *đánh giá đóng góp* của các tình huống này trong việc đạt được *mục tiêu nghiên cứu* cũng như đối với kho tàng tư liệu nghiên cứu và lý thuyết nói chung.

Ví dụ minh họa 1

Tại sao các quốc gia thành công?



1. Mục tiêu, thiết kế và cấu trúc NCTHSS

1.1. Xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu: Puzzle?



Economy	Period of high growth**	Per capita income at the beginning and 2005***	
Botswana	1960–2005	210	3,800
Brazil	1950–1980	960	4,000
China	1961–2005	105	1,400
Hong Kong, China*	1960–1997	3,100	29,900
Indonesia	1966–1997	200	900
Japan*	1950–1983	3,500	39,600
Korea, Rep. of*	1960–2001	1,100	13,200
Malaysia	1967–1997	790	4,400
Malta*	1963–1994	1,100	9,600
Oman	1960–1999	950	9,000
Singapore*	1967–2002	2,200	25,400
Taiwan, China*	1965–2002	1,500	16,400
Thailand	1960–1997	330	2,400

Source: World Bank, World Development Indicators.

*Economies that have reached industrialized countries' per capita income levels.

**Period in which GDP growth was 7 percent per year or more.

***In constant US\$ of 2000.

Nguồn: The Growth Report: Strategies for Sustained Growth and Inclusive Development

1. Mục tiêu, thiết kế và cấu trúc NCTH



1. Xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu

- ❧ *Câu đố* (Puzzle): Tại sao một số ít quốc gia tăng trưởng cao, còn đa số nước còn lại tăng trưởng thấp?
- ❧ *Mục tiêu*: Tìm các nhân tố quyết định sự thành công về kinh tế (tốc độ tăng trưởng cao, bền vững trong dài hạn)

2. Khung lý thuyết và xác định các biến số

- ❧ *Khung lý thuyết*: Lý thuyết tăng trưởng và Kinh tế vĩ mô
- ❧ *Biến phụ thuộc (kết quả)*: *Tốc độ* tăng trưởng; *thời gian* duy trì được tốc độ tăng trưởng cao.
- ❧ *Những biến độc lập (giải thích)*:

- | | |
|---------------------------|--|
| 1. Hội nhập quốc tế | 4. Phân bổ nguồn lực qua thị trường |
| 2. Ổn định vĩ mô | 5. Chính phủ có năng lực, đáng tin cậy |
| 3. Tiết kiệm & đầu tư cao | 6. Đầu tư cao cho giáo dục và y tế |

1. Mục tiêu, thiết kế và cấu trúc NCTH



3. Lựa chọn tình huống

☞ *Tình huống tương tự*: GDP tăng trưởng cao (7%/năm trở lên), trong một giai đoạn dài (25 năm trở lên)

4. Mô tả sự sai biệt/biến thiên của các biến số

☞ *Những biến độc lập (giải thích)*:

- | | |
|---------------------------|--|
| 1. Hội nhập quốc tế | 4. Phân bổ nguồn lực qua thị trường |
| 2. Ổn định vĩ mô | 5. Chính phủ có năng lực, đáng tin cậy |
| 3. Tiết kiệm & đầu tư cao | 6. Đầu tư cao cho giáo dục và y tế |

☞ *Những biến kiểm soát*

1. Mục tiêu, thiết kế và cấu trúc NCTH



5. Xác định yêu cầu về dữ liệu

- ❧ Dữ liệu định lượng, có tính thứ cấp
- ❧ Được thu thập trong một khoảng thời gian dài
- ❧ Đòi hỏi cao về làm sạch dữ liệu, khắc phục sai số (hệ thống và phi hệ thống) trong đo lường, và ước lượng một số giá trị còn thiếu trong bộ dữ liệu.
- ❧ Mục tiêu là đảm bảo tính *đầy đủ, chính xác, hệ thống* và *nhất quán* của bộ dữ liệu.

2. Tiến hành nghiên cứu tình huống



- ❧ **Thu thập các tài liệu** học thuật và số liệu thứ cấp
- ❧ **Thiết lập giá trị** của các biến độc lập và phụ thuộc của tình huống
 - ❧ Nếu các bước trên đã làm tốt (làm sạch dữ liệu, thống nhất đo lường, ước lượng giá trị thiếu v.v.) thì khâu này trở nên đơn giản.
- ❧ **Giải thích kết quả** của từng trường hợp
 - ❧ Các giả thuyết | giải thích thay thế?
 - ❧ Chuyển giải thích mô tả thành phân tích mô tả: Từ tình huống cụ thể thành kiến thức khái quát

3. Hàm ý của nghiên cứu đối với lý thuyết nói chung

❧ **Hàm ý chính sách:** Những chính sách quan trọng giúp tăng trưởng cao trong dài hạn bao gồm:

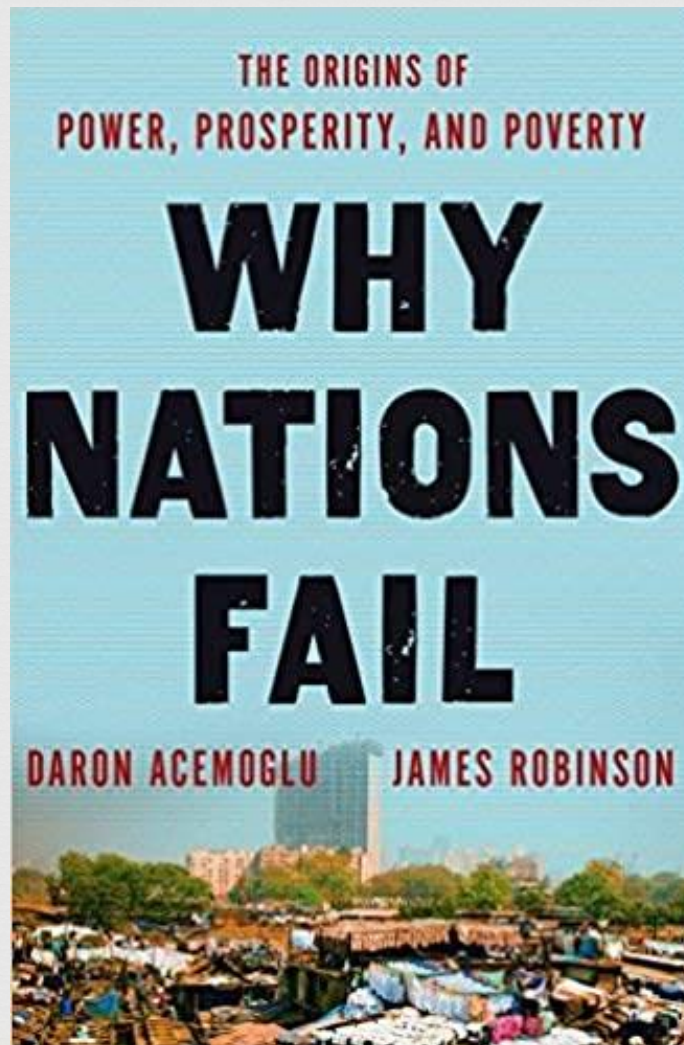
- | | |
|---------------------------|--|
| 1. Hội nhập quốc tế | 4. Phân bổ nguồn lực qua thị trường |
| 2. Ổn định vĩ mô | 5. Chính phủ có năng lực, đáng tin cậy |
| 3. Tiết kiệm & đầu tư cao | 6. Đầu tư cao cho giáo dục và y tế |

❧ **Đóng góp của nghiên cứu:** Vượt ra khỏi khung khổ truyền thống của các lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển.

❧ **Hạn chế của nghiên cứu:** “Chúng ta *không biết những điều kiện đủ* cho sự tăng trưởng. Chúng ta *có thể mô tả các nền kinh tế thành công* trong giai đoạn sau Chiến tranh thế giới thứ 2, nhưng chúng ta *không thể kể ra một cách chắc chắn* các yếu tố đảm bảo thành công của họ, hoặc các yếu tố mà thiếu chúng họ đã không thể thành công.”

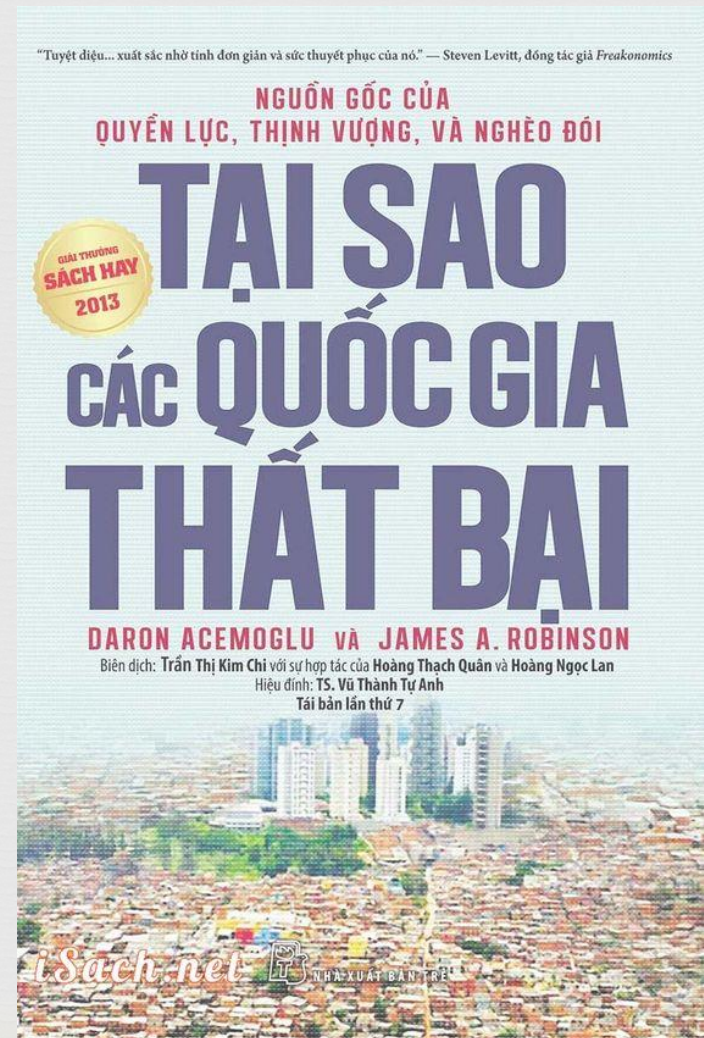
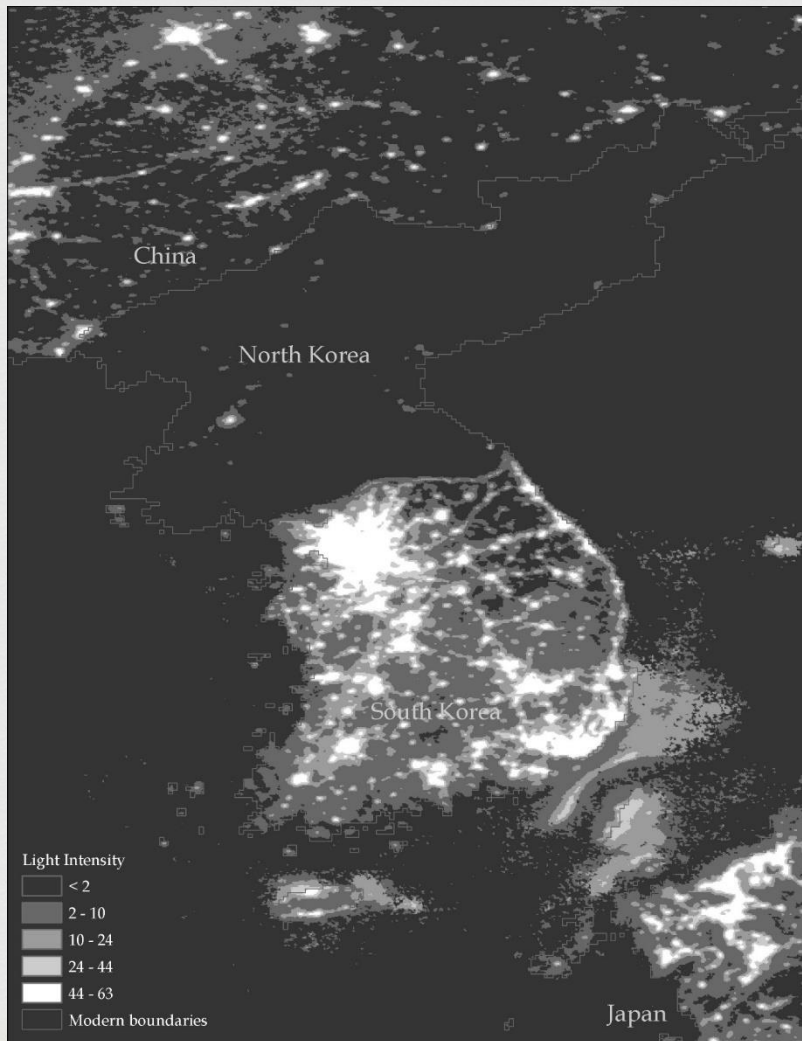
Ví dụ minh họa 2

Tại sao các quốc gia thất bại?



1. Mục tiêu, thiết kế và cấu trúc NCTHSS

1.1. Xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu: Puzzle?



1. Mục tiêu, thiết kế và cấu trúc NCTHSS



1. Xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu:

✧ Tại sao một số quốc gia giàu có và thành công về mặt kinh tế hơn so với những quốc gia khác?

✧ Các nước nghèo có thể làm gì để trở nên giàu có hơn?

✧ *Mục tiêu:* Tìm các nhân tố dẫn tới sự thất bại về kinh tế

2. Khung lý thuyết và xác định các biến số

✧ *Khung lý thuyết:* Kinh tế học thể chế, Khoa học chính trị, Lịch sử kinh tế, Lịch sử chính trị v.v.

✧ *Biến phụ thuộc (hoặc kết quả):* Mức độ thịnh vượng kinh tế.

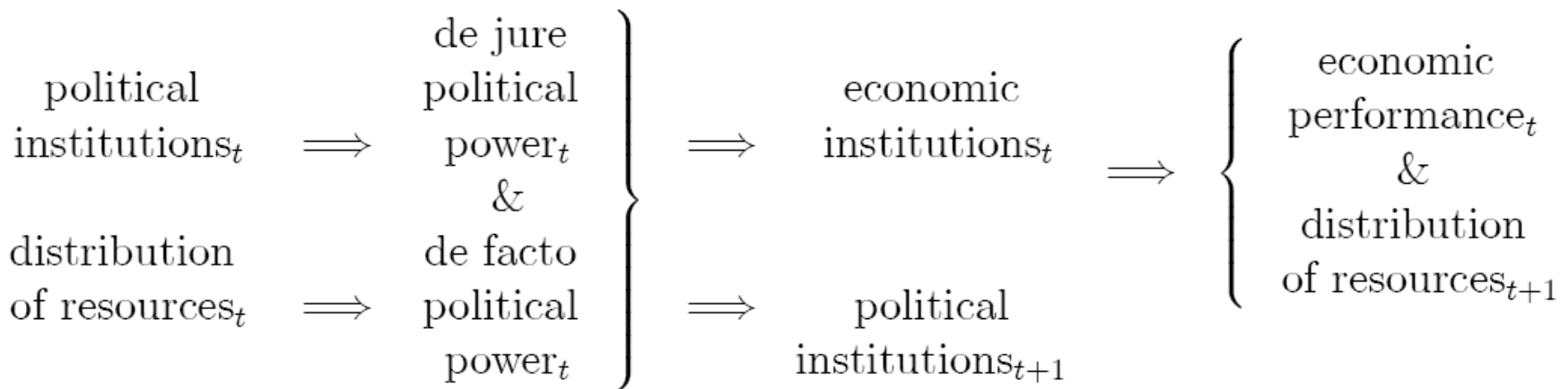
✧ *Những biến độc lập (và giải thích):*

1. Mục tiêu, thiết kế và cấu trúc NCTHSS



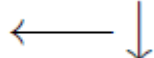
⌘ *Khung phân tích thể chế động*

Acemoglu, Johnson, and Robinson (2004). “Institutions as the Fundamental Cause of Long-Run Growth”



1. Mục tiêu, thiết kế và cấu trúc NCTH

Các biến giải thích

		Thể chế Kinh tế	
		Dung hợp	Chiếm đoạt
Thể chế Chính trị	Dung hợp		
	Tước đoạt		

Acemoglu and Robinson (2012). “Why Nations Fail?”

- ☞ Hệ thống thể chế chính trị và kinh tế có tính “**tước đoạt**” (extractive)
- ☞ Những thể chế có tính “tước đoạt” rất khó thay đổi, mặc dù chúng có thể phải chịu nhiều áp lực tại một số thời điểm bước ngoặt.
- ☞ Sự phát triển của các nước giàu (tiêu biểu là phương tây và Mỹ) bắt nguồn từ hệ thống thể chế có tính “**dung hợp**” (inclusive).
- ☞ Trong khi đó, ở các nước nghèo, các thể chế có tính “tước đoạt” đã được duy trì qua thời gian và do vậy vẫn tiếp tục nghèo.

Thể chế “tước đoạt” sv. “dung hợp”



- ❧ **Thể chế chính trị “tước đoạt”:** Các thể chế chính trị tập trung quyền lực trong tay của một vài cá nhân hay nhóm người mà không có hạn chế, kiểm soát và đối trọng, không có “thượng tôn pháp luật”.
- ❧ **Thể chế kinh tế “tước đoạt”:** Không có pháp luật và trật tự; quyền sở hữu không được bảo đảm; rào cản gia nhập thị trường; các quy định ngăn cản hoạt động của thị trường và tạo ra một sân chơi bất công.
- ❧ **Thể chế chính trị “dung hợp”:** Các thể chế chính trị cho phép sự tham gia rộng rãi; áp đặt hạn chế và kiểm soát các chính trị gia; thượng tôn pháp luật (liên quan chặt chẽ với sự tham gia rộng rãi). Nhưng cũng có một số mức độ tập trung chính trị nhất định để có thể thực thi hiệu quả luật pháp và duy trì trật tự.
- ❧ **Thể chế kinh tế “dung hợp”:** Quyền sở hữu được bảo đảm, luật pháp và trật tự, dựa vào thị trường, nhà nước hỗ trợ thị trường (dịch vụ công và luật định); gia nhập thị trường tương đối tự do; tôn trọng hợp đồng; tiếp cận với giáo dục và cơ hội cho đại đa số công dân.

1. Mục tiêu, thiết kế và cấu trúc NCTH



3. Lựa chọn tình huống

☞ *Tình huống tương phản*: Hai nhóm quốc gia, một nhóm thành công, một nhóm thất bại.

☞ *Tình huống tương phản điển hình*: “Rất gần mà rất xa”

☞ Nam Triều Tiên sv. Bắc Triều Tiên

☞ Mexico sv. Mỹ

4. Mô tả sự sai biệt/biến thiên của các biến số

☞ *Những biến độc lập (và giải thích)*:

1. Thể chế kinh tế dung hợp và chiếm đoạt

2. Thể chế chính trị dung hợp và chiếm đoạt

☞ *Những biến kiểm soát*

1. Mục tiêu, thiết kế và cấu trúc NCTH



5. **Xác định yêu cầu về dữ liệu**

- ❧ Dữ liệu định tính, định lượng, có tính thứ cấp
- ❧ Được thu thập trong một khoảng thời gian rất dài
- ❧ Đòi hỏi cao về diễn giải và xâu chuỗi các vấn đề/sự kiện lịch sử, văn hóa, tôn giáo, thể chế, chính trị v.v.

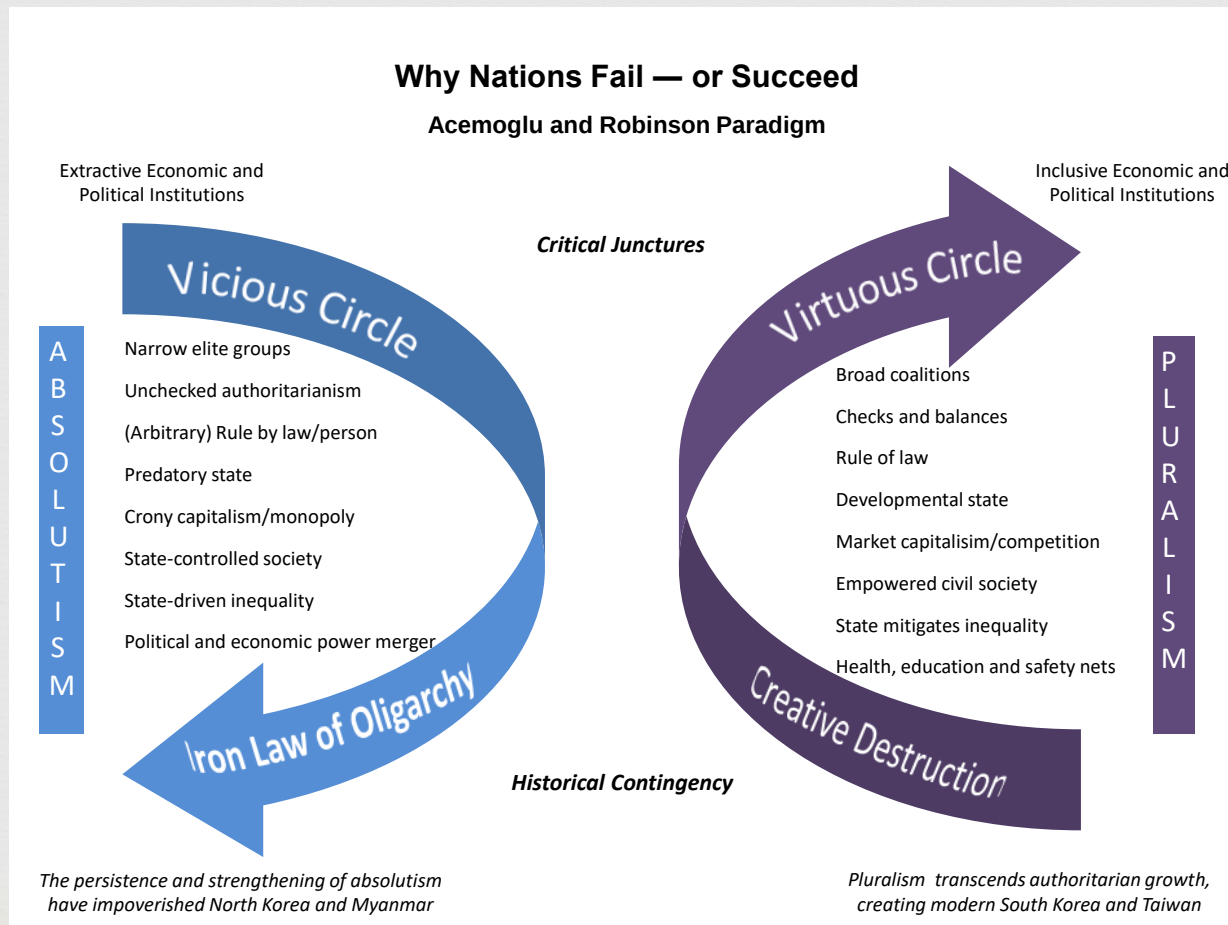
2. Tiến hành nghiên cứu tình huống



- ❧ **Thu thập các tài liệu** học thuật, số liệu thứ cấp, dữ liệu lịch sử kinh tế, lịch sử chính trị v.v.
- ❧ **Thiết lập giá trị** của các biến độc lập và phụ thuộc của tình huống
 - ❧ Là một thách thức lớn, thậm chí gây tranh cãi về cách diễn giải, về cơ chế nhân quả, và về giả thuyết thay thế
- ❧ **Giải thích kết quả** của từng trường hợp
 - ❧ Các giả thuyết | giải thích thay thế?
 - ❧ Chuyển giải thích mô tả thành phân tích mô tả
 - ❧ Chuyển từ các tình huống cụ thể thành nhận định và kết luận khái quát

3. Hàm ý của nghiên cứu đối với lý thuyết nói chung

❧ **Hàm ý chính sách:** Xây dựng thể chế dung hợp, chuyển hóa thể chế chiếm đoạt



3. Hàm ý của nghiên cứu đối với lý thuyết nói chung

❧ **Đóng góp của nghiên cứu:**

- ❧ Vượt ra khỏi khung khổ truyền thống của các lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển.
- ❧ Phủ định một số giả thuyết thay thế (địa lý, văn hóa, lãnh đạo)
- ❧ Khẳng định vai trò quyết định của thể chế: thể chế hay con người?

❧ **Hạn chế (thế mạnh) của nghiên cứu:** Đơn giản hóa

- ❧ Đo lường
- ❧ Diễn giải lịch sử
- ❧ Cơ chế nhân quả
- ❧ Giả thuyết thay thế